

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 370/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 15 – 9 – 2020
V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia
đình, ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Phú.
2. Ông Ngô Văn Thi.

Thư ký phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Triết - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 296/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2020 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 434/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 486/2020/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Ny N, sinh năm 1990; địa chỉ: Tổ 18, ấp VA, xã VHD, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Lê Bách Tu N1, sinh năm 1986; địa chỉ: Tổ 18, ấp VA, xã VHD, huyện AP, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

1. Ông Võ Văn D, sinh năm 1965; địa chỉ: Tổ 18, ấp VA, xã VHD, huyện AP, tỉnh An Giang.
2. Ông Lê Văn B, sinh năm 1964; địa chỉ: Tổ 18, ấp VA, xã VHD, huyện AP, tỉnh An Giang.

Bà Võ Thị N vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông Lê Bách Tu N1 vắng mặt không rõ lý do, ông Võ Văn D và ông Lê Văn B cùng có yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai cùng ngày 21/7/2020 của bà Võ Thị Ny N; các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ny N và ông Lê Bách Tu N1 tự tìm hiểu và tiến đến hôn nhân vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VHĐ, huyện AP (theo bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01 ngày 17/6/2008 của Ủy ban nhân dân xã VHĐ, huyện AP).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, ông N1 có quan hệ tình cảm bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Bà N và ông N1 đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà N có yêu cầu được ly hôn với ông N1.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà Võ Thị Ny N và ông Lê Bách Tu N1 sinh được 01 (một) con chung tên Lê Công V, sinh ngày 24/02/2007, con chung hiện đang sinh sống cùng ông Tu N1.

Bà N đồng ý để ông N1 được tiếp tục nuôi dạy con chung, bà N không cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập ông Lê Bách Tu N1 để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 17/8/2020 nhưng ông N1 vắng mặt không rõ lý do. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông N1, ông N1 cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án.

Ngày 17/8/2020, bà Võ Thị Ny N có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải và yêu cầu được vắng mặt khi vụ án được đưa ra xét xử do bận công việc làm ăn.

- Về tài liệu, chứng cứ:

Tài liệu, chứng cứ do bà Võ Thị Ny N giao nộp: Bản sao Giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01 ngày 17/5/2008 của Ủy ban nhân dân xã VHĐ, huyện AP; bản sao Trích lục khai sinh mang tên Lê Công V, sinh ngày 24/02/2007; bản sao Sổ hộ khẩu gia đình mang tên Lê Bách Tu N1; bản sao Giấy chứng minh nhân dân mang tên Võ Thị Ny N; bản chính Đơn yêu cầu ngày 17/8/2020.

Tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập: Biên bản lấy lời khai người làm chứng mang tên Võ Văn D ngày 17/8/2020; biên bản lấy lời khai người làm chứng mang tên Lê Văn B ngày 20/8/2020; biên bản ghi nhận ý kiến con chung tên Lê Công V ngày 20/8/2020.

Tại phiên tòa, do bà N và ông N1 cùng vắng mặt nên Hội đồng xét xử công bố lời trình bày của bà N, biên bản lấy lời khai người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

- Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng ngày 17/8/2020, ông Võ Văn D cho biết: Ông Dũng là cha ruột của bà Võ Thị Ny N.

Bà Võ Thị Ny N và ông Lê Bách Tu N1 được gia đình mai mối nên quen biết rồi tiến đến hôn nhân vào năm 2006, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VHĐ, huyện AP.

Sau khi kết hôn, bà N sống bên gia đình chồng đến năm 2012 thì vợ chồng lên Bình Dương cho đến nay. Quá trình chung sống, bà N và ông Tu N1 thời gian đầu chung sống

với nhau hạnh phúc. Tuy nhiên, sau khi lên Bình Dương sinh sống thì ông Tu N1 thay đổi tính tình, thường xuyên cờ bạc, rượu chè, gây nợ nần, bà N phải đứng ra trả. Bên cạnh đó, ông Tu N1 thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình đối với bà N, đe dọa gây thương tích đối với vợ ông D (mẹ vợ ông Tu N1). Ông D biết được sự việc do vợ ông D và bà N cho biết. Gia đình ông D cũng có nói chuyện với gia đình ông Tu N1 nhưng ông Tu N1 vẫn không thay đổi. Ông D được biết ông Tu N1 và bà N đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm. Do hôn nhân bà N không hạnh phúc, gia đình cũng đã cố gắng động viên hòa giải nhưng cuộc sống hôn nhân cũng không được cải thiện nên ông D yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho bà N được ly hôn với ông Tu N1.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông Tu N1 sinh được 01 (một) con chung tên Lê Công V, sinh ngày 24/02/2007, con chung hiện đang sinh sống cùng ông Tu N1.

Về tài sản chung và nợ chung: Không rõ.

Do nhà xa, tuổi cao nên ông D yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án đưa vụ án ra xét xử.

- Theo biên lấy lời khai người làm chứng ngày 20/8/2020, ông Lê Văn B cho biết: Ông B là cha ruột của ông Lê Bách Tu N1.

Về nguyên nhân và điều kiện đi đến hôn nhân, nguyên nhân và thời gian phát sinh mâu thuẫn giữa bà N và ông N1 như lời bà N trình bày. Gia đình ông B cũng cố gắng động viên, hòa giải cho cả hai nhưng quan hệ hôn nhân giữa ông N1 và bà N cũng không được cải thiện. Ông N1 và bà N đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay, cắt đứt mọi liên lạc.

Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông Tu N1 sinh được 01 (một) con chung tên Lê Công V, sinh ngày 24/02/2007, con chung hiện đang sinh sống cùng ông Tu N1.

Về tài sản chung và nợ chung: Không rõ.

Ông B có nhận thay ông N1 các văn bản tố tụng của Tòa án và có thông báo cho ông N1 biết nhưng do ông N1 bận công việc làm ăn nên không đến Tòa án, ông N1 cũng có yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ông B cũng cam kết sẽ nhận thay ông N1 các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo lại cho ông N1 biết. Ông B yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án triệu tập.

- Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú:

Về tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Ông Lê Bách Tu N1 vắng mặt lần thứ hai không lý do; bà Võ Thị Ny N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 207, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Theo trình bày của bà và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có căn cứ xác định hôn nhân giữa bà N và ông N1 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, công nhận sự tự nguyện của bà N trong việc đồng ý để ông N1 được trực tiếp nuôi dạy con chung và yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung, đương sự khai không có nên không xem xét, giải quyết.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho tòa án; không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bị đơn ông Lê Bách Tu N1 đều vắng mặt không lý do; đồng thời, ông N1 đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không lý do. Như vậy, ông N1 đã tự từ bỏ quyền, nghĩa vụ tham gia tố tụng của mình. Nguyên đơn bà Võ Thị Ny N có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và yêu cầu xét xử vắng mặt. Do đó, vụ án được xem là không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự là phù hợp với quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền giải quyết:

Hôn nhân giữa bà Võ Thị Ny N và ông Lê Bách Tu N1 có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã VHĐ, huyện AP cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01 ngày 17/6/2008. Ông Lê Bách Tu N1 có đăng ký hộ khẩu thường trú tại: Tổ 18, ấp VA, xã VHĐ, huyện AP, tỉnh An Giang nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang theo quy định tại các điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và quy định tại Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ny N cho rằng, sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không có sự quan tâm, chia sẻ, ông N1 có quan hệ tình cảm bên ngoài nên vợ chồng thường xuyên cự cãi. Bà N và ông N1 đã sống ly thân nhau từ năm 2017 cho đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn nên bà N có yêu cầu được ly hôn với ông N1. Những mâu thuẫn mà bà N trình bày được ông Võ Văn D và ông Lê Văn B xác nhận trong biên bản lấy lời khai người làm chứng của Tòa án.

Nam nữ khi tiến đến hôn nhân đều hướng đến mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc, bền vững nhưng giữa bà N và ông N1 lại tồn tại những mâu thuẫn không thể hàn gắn dẫn đến đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Bà N và ông N1 đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2019 cho đến nay, không hàn gắn tình cảm mặc dù trước đó gia đình của cả hai đã cố gắng động viên, hòa giải nhưng hôn nhân vẫn không được cải thiện. Từ những phân tích nêu trên, có thể nhận thấy mâu thuẫn giữa bà N và ông N1 đã đến mức trầm trọng, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Ny N theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Quá trình chung sống, bà N và ông N1 sinh được 01 (một) con chung tên: Lê Công V, sinh ngày 24/02/2007. Hiện con chung đang sinh sống cùng ông N1.

Sau khi xem xét điều kiện nuôi con của bà N, ông N1, nguyện vọng của cháu V và sự đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn

nhân và gia đình năm 2014 quyết định để ông Lê Bách Tu N1 được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Lê Công V, sinh ngày 24/02/2007.

Bà N yêu cầu không cấp dưỡng nuôi con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cũng đã giải thích cho bà N về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con chung nhưng bà N vẫn giữ nguyên ý kiến của mình. Do đó, trong quá trình ông N1 trực tiếp nuôi con thì ông N1 có quyền yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi dạy con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Bà Võ Thị Ny N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Lê Bách Tu N1. Ngược lại, ông Lê Bách Tu N1 cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà Võ Thị Ny N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Võ Thị Ny N xác định không có tài sản chung, nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác:

Bà Võ Thị Ny N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm; ông Lê Bách Tu N1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

[5] Về quyền kháng cáo: Bà Võ Thị Ny N và ông Lê Bách Tu N1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 57, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các điều 147, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Ny N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Ny N được ly hôn với ông Lê Bách Tu N1.

2. Về con chung: Ông Lê Bách Tu N1 được trực tiếp nuôi dạy con chung tên: Lê Công V, sinh ngày 24/02/2007. Ông Lê Bách Tu N1 không phải cấp dưỡng để nuôi dạy con chung.

Bà Võ Thị Ny N cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của ông Lê Bách Tu N1. Ngược lại, ông Lê Bách Tu N1 cùng các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở bà Võ Thị Ny N trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí sơ thẩm và các chi phí tố tụng khác: Bà Võ Thị Ny N phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, số tiền này được khấu trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số TU/2019/0004664 ngày 28/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Ông Lê Bách Tu N1 không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. Về quyền kháng cáo: Án tuyên công khai vắng mặt bà Võ Thị Ny N và ông Lê Bách Tu N1. Bà N và ông N1 có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Giấy chứng nhận kết hôn số 150, quyển số 01 ngày 17/6/2008 của Ủy ban nhân dân xã VHĐ, huyện AP cấp cho bà Võ Thị Ny N và ông Lê Bách Tu N1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- VKSND huyện An Phú (1);
- THADS huyện An Phú (1);
- UBND xã VHĐ,
huyện An Phú (01);
- Các đương sự;
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Tuấn